TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÓC MÔN** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH Bản án số: 459/2017/DS-ST Ngày: 31/8/2017 V/v tranh chấp hợp đồng dịch vụ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Huy.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Kim Liên.
2. Ông Võ Thanh Bình.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lưu Nguyễn Huy Hoàng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Tp.Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Tp.Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Tuấn – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Tp.Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 232/2016/TLST–DS ngày 04/5/2016 về " Tranh chấp hợp đồng dịch vụ", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 269/2017/QĐXXST-DS ngày 08/8/2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà A, sinh năm 1979, trú tại 77/5A ấp D, xã T, huyện H, Tp.Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà B, trú tại 153/55 T, Phường X, quận T, Tp.Hồ Chí Minh (Văn bản ủy quyền ngày 21/6/2017) – có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông C, Luật sư Văn phòng luật sư Y thuộc Đoàn luật sư TP.Hồ Chí Minh – có mặt.

Bị đơn: Văn phòng Thừa phát lại huyện H; Địa chỉ: 1/9 ấp Đ, xã T, huyện H, Tp.Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông D (Trưởng Văn phòng Thừa phát lại huyện H).

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông E, trú tại 7 T, Phường Z, quận T, Tp.Hồ Chí Minh (Văn bản ủy quyền ngày 06/7/2017) – có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông G, sinh năm 1977, trú tại 77/5A ấp D, xã T, huyện H, Tp.Hồ Chí Minh – có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 11/4/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án,nguyên đơn bà A có đại diện theo ủy quyền là bà B trình bày:

Ngày 06/8/2015, bà A (gọi tắt là nguyên đơn) ký với Văn phòng Thừa phát lại huyện H (gọi tắt là bị đơn) hợp đồng dịch vụ số 007/HĐDV.THA/VPTPL-CN/TC,về việc trực tiếp thi hành bản án số 191/2015/DSST ngày 27/5/2015 và hợp đồng dịch vụ số 010/HĐDV-XM/VPTPL-CN/TC, về việc xác minh điều kiện thi hành án. Nội dung chính: Bị đơn có trách nhiệm buộc người phải thi hành án là bà M, ông N phải trả cho nguyên đơn số tiền 243.218.750 đồng kèm tiền lãi.

Ngày 10/8/2015, bị đơn ban hành các quyết định số 007, 009 để thi hành án và xác minh điều kiện thi hành án. Theo công văn số 385/UBND ngày 01/9/2015 của UBND xã Tân Thới Nhì thì căn nhà 49/7A ấp L, xã N, huyện H do ông N, bà M quản lý, sử dụng nhưng bị đơn không xử lý mà đến ngày 10/3/2016 mới ban hành văn bản ngăn chặn. Do bị đơn không ngăn chặn kịp thời căn nhà 49/7A ấp L, xã N, huyện H để người phải thi hành án bán tẩu tán, không còn tài sản để thi hành án. Ông D là trưởng Văn phòng Thừa phát lại huyện H xác định sẽ làm việc với bà A về việc bồi thường khi trả lời báo Pháp luật ngày 01/11/2016, nhưng lại ban hành văn bản số 167/CV-TPL ngày 23/12/2016 với nội dung phủ nhận lỗi và không bồi thường.

Vì vậy, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải bồi thường tổng số tiền 293.218.750 đồng, gồm 243.218.750 đồng theo bản án và 50.000.0000 đồng thiệt hại do mất thu nhập, không yêu cầu tính tiền lãi.

Tại bản tự khai ngày 07/8/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Văn phòng Thừa phát lại huyện H có người đại diện theo ủy quyền là ông E trình bày:

Bị đơn thống nhất việc hai bên đã ký 02 hợp đồng dịch vụ cùng ngày 06/8/2015 như phía nguyên đơn trình bày. Thực hiện hợp đồng, bị đơn đã ban hành các văn bản số 007, 009, 095, 096, 097, 098 cùng ngày 10/8/2015 để quyết định thi hành án, xác minh điều kiện thi hành án.

Tại biên bản làm việc ngày 24/8/2015, người phải thi hành án là bà M cung cấp hợp đồng công chứng số 000963 ngày 24/01/2014 của văn phòng công chứng F, xác định đã chuyển nhượng căn nhà 49/7A ấp Thống Nhất 2, xã Tân Thới Nhì, Hóc Môn và đề nghị trả tiền cho bà A mỗi ngày 200.000 đồng nhưng bà A không đồng ý. Vì vậy, bà M, ông N không còn là chủ sở hữu căn nhà từ ngày 24/01/2014 theo Luật nhà ở. Tại thời điểm này bà A không có bất cứ yêu cầu nào về việc ngăn chặn liên quan đến căn nhà này. Thực tế, phía bị đơn đã giải thích cho bà A biết bà A có quyền yêu cầu ngăn chặn đối với căn nhà này nhưng phải bồi thường nếu có thiệt hại xảy ra từ việc ngăn chặn nên bà A không yêu cầu.

Ngày 07/9/2015, bị đơn nhận được công văn số 385 ngày 01/9/2015 của UBND xã Tân Thới Nhì trả lời yêu cầu xác minh điều kiện thi hành án nhưng nội dung chưa đầy đủ, thông tin không chính xác về tên (ghi sai là P V H) nên bị đơn tiếp tục xác minh, đến nay chưa nhận được phản hồi.

Ngày 15/01/2016, bị đơn có công văn số 016 nhắc lại công văn số 095 ngày 10/8/2015 về việc xác minh điều kiện thi hành án, đến ngày 10/3/2016 mới nhận được công văn số 1058 của VPĐK đất đai huyện Hóc Môn ngày 04/3/2016, với nội dung căn nhà đã được bà M, ông N chuyển nhượng cho ông T, bà K theo hợp đồng công chứng số 11833 ngày 31/10/2015, Văn phòng đã cập nhật biến động vào trang 03 giấy chứng nhận cùng ngày 31/10/2015. Bị đơn đã ban hành quyết định số 011 ngày 10/3/2016 ngăn chặn căn nhà trên và quyết định số 013 ngày 17/3/2016 kèm thông báo số 044 về việc cưỡng chế kê biên, xử lý căn nhà trên theo quy định. Ngày 20/10/2016, Cục trưởng Cục THADS Tp.HCM có quyết định số 54 yêu cầu hủy bỏ quyết định số 011 ngày 10/3/2016, quyết định số 013 và thông báo số 044 ngày 17/3/2015 nên bị đơn đã có các quyết định số 005, 006 ngày 26/10/2016 thu hồi các quyết định nêu trên.

Như vậy, bị đơn đã thực hiện đúng các điều khoản đã ký với nguyên đơn tại 02 hợp đồng nêu trên, không có bất cứ vi phạm nào nên không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại bản tự khai và đơn xin vắng mặt ngày 26/7/2017, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông G trình bày: Ông G là chồng của bà A. Số tiền được thi hành theo bản án số 191/2015/DSST ngày 27/5/2015 của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn là tiền riêng của bà A, mọi vấn đề liên quan đến tranh chấp trong vụ án này do bà A toàn quyền quyết định và tự chịu trách nhiệm trước pháp luật, ông không có ý kiến, không có yêu cầu và xin vắng mặt, không thắc mắc, khiếu nại về sự vắng mặt này.

Tại phiên tòa:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải bồi thường cho nguyên đơn tổng số tiền 293.218.750 đồng vì cho rằng bị đơn là bên có lỗi trong việc chậm ngăn chặn việc chuyển dịch căn nhà 49/7A ấp Thống Nhất 2, xã Tân Thới Nhì, Hóc Môn là tài sản của người phải thi hành án, dẫn đến việc tẩu tán tài sản và bản án không thể thi hành, đồng thời khiến nguyên đơn mất thu nhập trong thời gian dài để tham gia giải quyết tranh chấp.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì cho rằng đã thực hiện đúng, đầy đủ các điều khoản của hợp đồng và không vi phạm bất cứ điều khoản nào.

Phát biểu ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn: Về tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Các đương sự được bảo đảm thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Về việc giải quyết vụ án: Trong quá trình thực hiện dịch vụ, Văn phòng Thừa phát lại huyện H đã để cho người phải thi hành án bán tẩu tán tài sản duy nhất để đảm bảo thi hành án (Văn phòng đăng ký đất đai huyện Hóc Môn cập nhật biến động vào ngày 31/10/2015) nên không còn khả năng thi hành án. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử buộc Văn phòng Thừa phát lại huyện H bồi thường thiệt hại theo yêu

cầu của bà A.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn bồi thường thiệt hại phát sinh từ hợp đồng dịch vụ; Bị đơn có trụ sở tại huyện Hóc Môn. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đây là tranh chấp hợp đồng dịch vụ và thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Hóc Môn.

[2] Về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ: Các đương sự đã được nghe công bố, tiếp cận, công khai toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; đã được phô tô, sao chụp toàn bộ hồ sơ; không có đương sự nào bổ sung hoặc yêu cầu thu thập thêm tài liệu, chứng cứ khác hoặc yêu cầu triệu tập đương sự khác.

[3] Về yêu cầu trong vụ án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn bồi thường thiệt hại từ hợp đồng dịch vụ; Bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu gì. Do đó trong vụ án này, Hội đồng xét xử chỉ xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4] Về tính hợp pháp của hợp đồng dịch vụ số 007/HĐDV.THA/VPTPL-CN/TC (gọi tắt là hợp đồng số 007) và số 010/HĐDV-XM/VPTPL-CN/TC (gọi tắt là hợp đồng số 010) ngày 06/8/2015: Văn phòng Thừa phát lại huyện H được thành lập theo quyết định số 6797/QĐ-UBND ngày 18/12/2013 của UBND Tp.Hồ Chí Minh và hoạt động theo giấy đăng ký hoạt động số 41.02.0010/TP-TPL-ĐKHĐ ngày 31/3/2014 (cấp đổi lần 2 ngày 10/6/2015) của Sở Tư pháp Tp.Hồ Chí Minh. Việc ký kết hợp đồng giữa hai bên là tự nguyện, nội dung hợp đồng không bị pháp luật cấm, không trái đạo đức xã hội. Hình thức và nội dung hợp đồng phù hợp với quy định tại các Điều 401, 402, 518, 519 của Bộ luật dân sự 2005 nên đây là hợp đồng hợp pháp và có giá trị pháp lý.

[5] Về yêu cầu bồi thường số tiền 243.218.750 đồng:

Tại bản án số 191/2015/DSST ngày 27/5/2015 của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn đã tuyên buộc bà Phạm Thị Ánh và ông P V H phải trả cho bà A số tiền 243.218.750 đồng, gồm 225.000.000 tiền gốc và 18.218.750 đồng tiền lãi. Tại hợp đồng số 007, bị đơn là người có trách nhiệm thi hành bản án nêu trên. Như vậy, có căn cứ xác định bị đơn có trách nhiệm buộc bà M và ông N phải trả cho bà A tổng số tiền 243.218.750 đồng. Nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án ngày 06/8/2015, bị đơn đã ban hành quyết định số 007 ngày 10/8/2015 để thi hành án là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 36 của Luật thi hành án dân sự năm 2008.

Tại khoản 2.2 Điều 2 của hợp đồng số 010, bị đơn có nghĩa vụ xác minh nhà, đất và tài sản khác của ông N và bà M trú tại 49/7A ấp L, xã N, huyện H. Bị đơn đã ban hành các văn bản số 009, 095, 096, 097, 098 cùng ngày 10/8/2015 gửi các cơ quan hữu quan để xác minh các vấn đề liên quan đến căn nhà 49/7A ấp Thống Nhất 2, xã Tân Thới Nhì, trong đó có văn bản xác minh số 95/CV-TPL

ngày 10/8/2015 và số 016/CV-TPL ngày 15/01/2016 gửi Văn phòng đăng ký đất đai huyện Hóc Môn; văn bản xác minh số 096/TPL ngày 10/8/2015 gửi UBND xã Tân Thới Nhì, là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 89 Luật thi hành án dân sự 2008. Ngày 01/9/2015 UBND xã Tân Thới Nhì có văn bản số 385/UBND phúc đáp nội dung xác minh nhưng không chính xác tên P V H (ghi là P V H); Văn phòng đăng ký đất đai huyện Hóc Môn có văn bản số 1058/CNHM ngày 04/3/2016 và số 1319/CNHM ngày 17/3/2016 phúc đáp với nội dung căn nhà đã chuyển nhượng vào ngày 06/10/2015 và được cập nhật biến động ngày 31/10/2015 tại trang 3 giấy chứng nhận. Như vậy, bị đơn đã thực hiện đúng nghĩa vụ theo hợp đồng số 010.

Tại buổi làm việc ngày 24/8/2015, các bên biết rõ căn nhà 49/7A ấp L, xã N, huyện H đã được chuyển nhượng theo hợp đồng công chứng số 000963 ngày 24/01/2014, phù hợp với nội dung trả lời xác minh, cung cấp tài liệu chứng cứ tại công văn số 33/VPCC LTNH ngày 07/8/2017 của Văn phòng công chứng F. Có đủ căn cứ xác định hợp đồng này được công chứng trước thời điểm bà A khởi kiện bà M, ông N tại Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản nên không có căn cứ xác định đây là hành vi tẩu tán tài sản để trốn tránh thực hiện nghĩa vụ của người phải thi hành án. Theo quy định tại khoản 5 Điều 93 Luật nhà ở năm 2005 và khoản 1 Điều 64 Nghị định số 71/2010 ngày 23/6/2010 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật nhà ở năm 2005, căn nhà này không còn thuộc quyền sở hữu của người phải thi hành án là ông N, bà M kể từ ngày 24/01/2014.

Tại đơn xin yêu cầu rút đơn yêu cầu ngăn chặn tài sản do bà A viết và ký tên đề ngày 03/12/2016 và được Văn phòng Thừa phát lại huyện H ghi nhận tại biên bản về việc giải quyết việc thi hành án vào lúc 11 giờ ngày 03/12/2016, bà A đã xin rút yêu cầu ngăn chặn đối với tài sản nhà đất số 49/7A ấp L, xã N, huyện H để tìm tài sản mới của người phải thi hành án, khi có thông tin sẽ yêu cầu ngăn chặn sau.

Tại phiên tòa, các bên thừa nhận không biết vào ngày 01/10/2015 bà M, ông N hủy hợp đồng công chứng số 000963 ngày 24/01/2014 để ký tiếp tục ký hợp đồng chuyển nhượng số công chứng 011833 ngày 06/10/2015 tại Văn phòng công chứng F chuyển nhượng căn nhà này cho người khác; không biết việc cập nhật biến động tại trang 3 của Giấy chứng nhận vào ngày 31/10/2015. Các bên chỉ biết các nội dung này theo thông tin do Văn phòng đăng ký đất đai huyện Hóc Môn cung cấp tại văn bản số 1058/CNHM ngày 04/3/2016 và số 1319/CNHM ngày 17/3/2016.

Từ những phân tích trên, việc bị đơn không áp dụng biện pháp bảo đảm thi hành án liên quan đến căn nhà này là phù hợp với quy định tại Điều 66 của Luật thi hành án dân sự năm 2008, phù hợp với ý chí của người được thi hành án là bà A tại đơn xin rút yêu cầu ngăn chặn tài sản đề ngày 03/12/2016.

Cần lưu ý, bản án dân sự số 191/2015/DSST ngày 27/5/2015 của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn có hiệu lực pháp luật, quyền yêu cầu thi hành của người được thi hành án được bảo đảm thực hiện theo quy định của pháp luật.

[6] Về yêu cầu bồi thường số tiền 50.000.000 đồng do bị mất thu nhập: Như đã phân tích tại mục [5], bị đơn đã thực hiện đúng các nghĩa vụ đã giao kết tại 02 hợp đồng đã ký, không có lỗi trong việc không áp dụng biện pháp bảo đảm thi hành án liên quan đến căn nhà 49/7A ấp L, xã N, huyện H. Hơn nữa, nguyên đơn cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh thu nhập hàng tháng trước khi xảy ra tranh chấp, thu nhập cụ thể đã bị mất. Do đó, yêu cầu này của nguyên đơn là không có căn cứ chấp nhận.

[7] Đối với yêu cầu tính tiền lãi của số tiền 293.218.750 đồng: Tại biên bản hòa giải ngày 08/8/2017 và tại phiên tòa, phía nguyên đơn xác định không yêu cầu tính tiền lãi của số tiền này nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Từ những nhận định nêu trên, việc không áp dụng biện pháp bảo đảm thi hành án liên quan đến căn nhà 49/7A ấp L, xã N, huyện H trước ngày 10/03/2016 không do lỗi của bị đơn, bị đơn đã thực hiện đúng nghĩa vụ của bên cung cấp dịch vụ tại 02 hợp đồng đã ký theo quy định tại Điều 522 của Bộ luật dân sự năm 2005. Vì vậy, việc nguyên đơn cho rằng bị đơn chậm ngăn chặn căn nhà này, gây thiệt hại cho nguyên đơn như nêu trên là không có căn cứ nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có căn cứ chấp nhận. Yêu cầu của nguyên đơn, ý kiến về việc giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là không có căn cứ chấp nhận.

[8] Đối với các quyết định số 011/2016/QĐ-TPL ngày 10/3/2016, quyết định số 013/2016/QĐKB-TPL và thông báo số 044/TB-TPL ngày 17/3/2016 của Văn phòng Thừa phát lại huyện H đã được Cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo thủ tục khiếu nại, các đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 147; Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 401, 402, 518, 519, 522 của Bộ luật dân sự 2005;

Áp dụng khoản 2 Điều 36, Điều 66, khoản 1 Điều 89 của Luật thi hành án dân sự năm 2008;

Áp dụng khoản 5 Điều 93 Luật nhà ở 2005 và khoản 1 Điều 64 Nghị định số 71/2010 ngày 23/6/2010 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật nhà ở 2005;

Áp dụng khoản 3 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà A,

Về việc yêu cầu Văn phòng Thừa phát lại huyện H bồi thường tổng số tiền 293.218.750 đồng, gồm 243.218.750 đồng là số tiền bà A được thi hành án theo bản án số 191/2015/DSST ngày 27/5/2015 của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn và 50.000.000 đồng tiền bồi thường do mất thu nhập.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà A phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 14.660938 đồng, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 7.330.469 đồng theo biên lai thu tiền số 0030718 ngày 04/5/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hóc Môn, như vậy bà A còn phải nộp 7.330.469 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự .

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND huyện Hóc Môn;
- THA DS huyện Hóc Môn;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ.

Phạm Văn Huy